

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THÁI ĐỘ HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

Nguyễn Thị Hồng Chuyên⁺,
Hoàng Thị Mỹ Hạnh

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
+Tác giả liên hệ • Email: chuyennh@tnue.edu.vn

Article history

Received: 23/10/2022

Accepted: 28/11/2022

Published: 20/12/2022

Keywords

Learning attitude, History
and Geography subject,
students, primary school

ABSTRACT

History and Geography are compulsory subjects in Vietnam's primary education curriculum. However, this subject has received neither adequate attention from the teacher nor interest from the learner. This study explores the factors that influence learning attitudes towards History and Geography among Vietnamese primary school students. The exploratory factor analysis method was used, with 19 questions designed and delivered to primary school students through social channels and with the help of students' parents. Based on the survey results from 200 students with the support of the SPSS software, the analysis identified five main factors affecting the learning attitudes towards History and Geography of the students: Factor 1 - The impact of surrounding people; factor 2 - Students' interest in the subject, factor 3 - teachers' teaching methods and techniques, factor 4 - Parents' engagement; and factor 5 - learners' beliefs. The results of this study can serve as a reference for researchers in proposing pedagogical measures in teaching the two subjects efficiently.

1. Mở đầu

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học, môn Lịch sử và Địa lí được xây dựng trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của chương trình trước đây, tích hợp nội dung lịch sử, địa lí; gắn nội dung giáo dục với thực tiễn nhằm hình thành cho HS năng lực chung và năng lực chuyên môn của môn Lịch sử và Địa lí (Bộ GD-ĐT, 2018). Chương trình cũng kết nối kiến thức, kĩ năng của các môn học và các hoạt động giáo dục khác như: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm,... giúp HS vận dụng tích hợp kiến thức, kĩ năng của nhiều môn học để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống phù hợp với lứa tuổi, đáp ứng được yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất của HS. Để thực hiện được những mục tiêu đó, HS phải đóng vai trò chủ thể trong hoạt động học tập, vì đây là một quá trình nhận thức đặc biệt. Thái độ học tập của HS có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập, đặc biệt là đối với môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Thái độ là một trạng thái không thể quan sát được trực tiếp, nhưng có thể được suy ra từ việc đo lường phản ứng thái độ với đối tượng. Thái độ có cấu trúc gồm ba thành phần: tình cảm, nhận thức, hành vi (Mazana et al., 2019; Syieda, 2016). Tình cảm bao gồm cảm xúc, niềm tin và tầm nhìn của đối tượng (Mazana et al., 2019). Thái độ đề cập đến xu hướng phản ứng tích cực hoặc tiêu cực của một người đối với một đối tượng, tình huống, khái niệm hoặc người khác (Sarmah & Puri, 2014). Thái độ có thể thay đổi và phát triển theo thời gian (Syieda, 2016); và một khi thái độ tích cực được hình thành, nó có thể cải thiện việc học của HS (Akinsola & Olowojaiye, 2008). Mặt khác, thái độ tiêu cực cản trở việc học hiệu quả và do đó ảnh hưởng đến kết quả học tập (Joseph, 2013). Vì vậy, thái độ là yếu tố cơ bản không thể bỏ qua đối với nhà sư phạm khi quan sát người học (Mazana et al., 2019).

Từ những quan điểm trên, bài báo nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập môn Lịch sử và Địa lí của HS tiểu học để rút ra những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tổ chức khảo sát

- *Đối tượng khảo sát:* Phiếu khảo sát được xây dựng và gửi đến cha mẹ, người chăm sóc HS lớp 4, lớp 5 ở tiểu học, bao gồm các địa điểm đa dạng về KT-XH với các khu vực thành phố, quận huyện và thị xã nông thôn miền núi thông qua ứng dụng Zalo trong khoảng thời gian từ ngày 06/9/2022 đến ngày 29/9/2022. Số lượng ước lượng người tham gia khảo sát là 250 người, tỉ lệ phản hồi là 97,2% (243 phản hồi), 43 câu trả lời không hợp lệ do chỉ chọn một lựa chọn duy nhất. Tổng số dữ liệu cuối cùng để đưa vào phân tích là 200 (82,3%). Bảng 1 tổng hợp dữ liệu từ phiếu

khảo sát, tỉ lệ nam chiếm 26,5%, trong khi đó tỉ lệ nữ chiếm 73,5%. Khu vực sinh sống của người được khảo sát liên quan đến thái độ học tập môn Lịch sử và Địa lí tập trung nhiều nhất tại nông thôn (61%), tiếp theo là ở trung tâm thành phố lớn (16,5%), trung tâm thị trấn, thị xã (13,5%), miền núi, vùng sâu, vùng xa (6,0%) và ở trung tâm huyện chiếm tỉ lệ thấp nhất (chiếm 3,0%).

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

		Số lượng	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	53	26,5
	Nữ	147	73,5
Loại hình trường	Trường công lập	194	97,0
	Trường quốc tế	2	1,0
	Trường tư thục	4	2,0
Khu vực sinh sống	Miền núi, vùng sâu, vùng xa	12	6,0
	Nông thôn	122	61,0
	Trung tâm huyện	6	3,0
	Trung tâm thành phố lớn	33	16,5
	Trung tâm thị trấn, thị xã	27	13,5
Tổng		200	100

- *Công cụ khảo sát:* Nhóm tác giả kế thừa và phát triển bộ câu hỏi khảo sát tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến thái độ của người học của tác giả Nguyễn và cộng sự (2022) để nghiên cứu, 20 câu hỏi được lựa chọn và đưa vào khảo sát (xem bảng 2). Thang điểm Likert năm điểm (1=Không đồng ý, 2=Có xu hướng không đồng ý, 3=Trung lập, 4=Có xu hướng đồng ý, 5=Hoàn toàn đồng ý) được sử dụng cho mỗi câu hỏi.

Bảng 2. Câu hỏi khảo sát

Q1	Môn Lịch sử và Địa lí là môn học em thích nhất trong các môn học
Q2	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí
Q3	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí bởi vì qua đó em biết được nhiều điều về quê hương, đất nước và thế giới
Q4	Em tin rằng em có thể làm được hết các bài tập môn Lịch sử và Địa lí
Q5	Em tin rằng em có thể trả lời được hết các câu hỏi khi học môn Lịch sử và Địa lí
Q6	Môn Lịch sử và Địa lí rất hấp dẫn bởi vì trong đó có rất nhiều nội dung hay về các câu chuyện lịch sử, các chiến thắng, các cuộc khởi nghĩa, cũng như cả những đau thương, mất mát,...
Q7	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí bởi vì giờ học môn này rất thú vị
Q8	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí bởi vì thầy/cô giáo dạy học rất hay, sinh động
Q9	Thầy, cô giáo sử dụng nhiều hình ảnh, video, câu chuyện kể,... khi dạy môn Lịch sử và Địa lí
Q10	Thầy, cô giáo luôn khuyến khích em nên học tốt môn Lịch sử và Địa lí vì đó giúp em hiểu biết về quá khứ, hiểu biết về hiện tượng tự nhiên và xã hội
Q11	Các hình ảnh, câu chuyện trong sách Lịch sử và Địa lí luôn hấp dẫn em
Q12	Em có thể đọc và hiểu những dòng chữ viết có trong sách Lịch sử và Địa lí
Q13	Bố mẹ em nói rằng học môn Lịch sử và Địa lí là quan trọng
Q14	Bố mẹ em khuyên em nên học tốt môn Lịch sử và Địa lí
Q15	Bố mẹ em có thể giải thích cho em những điều em chưa hiểu trong môn Lịch sử và Địa lí
Q16	Bố mẹ em thường xuyên hỏi em những điều có trong môn Lịch sử và Địa lí
Q17	Các bạn trong lớp cũng rất thích môn Lịch sử và Địa lí
Q18	Các bạn trong lớp thường đồ nhau những nội dung có trong môn Lịch sử và Địa lí
Q19	Các bạn trong lớp thường trao đổi với em về các câu chuyện, sự kiện, hiện tượng có trong bài học môn Lịch sử và Địa lí
Q20	Các bạn trong lớp khuyên em nên học môn Lịch sử và Địa lí vì nó rất hay và bổ ích

- *Phân tích các nhân tố khám phá:* Để phân tích dữ liệu, nghiên cứu hiện tại đã sử dụng Phân tích nhân tố khám phá (EFA). EFA là một phương pháp phân tích định lượng làm giảm nhiều biến quan sát thành các nhân tố chính ảnh hưởng đến một sự việc, hiện tượng nào đó (Hair, 2009). Phương pháp này xác định cấu trúc cơ bản của một tập hợp các biến. Mỗi chỉ số trong tập hợp các chỉ số được giả định là một hàm tuyến tính của một hoặc nhiều nhân tố

chung và một nhân tố duy nhất trong EFA. Các yếu tố thường gặp là các biến ẩn, không thể quan sát được ảnh hưởng đến nhiều hơn một chỉ số trong một tập hợp các chỉ số. Độ nhất yếu tố là các biến tiềm ẩn được cho là chỉ ảnh hưởng đến một chỉ số từ tập hợp các chỉ số và không lấy chỉ số các mối tương quan cần xem xét. Trước khi hoàn thành EFA, thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá khả năng áp dụng cho 20 câu hỏi khảo sát. Nhóm nghiên cứu đã xác định giá trị trung bình của tất cả các câu trả lời và độ lệch chuẩn trên từng mục trong bảng thống kê mô tả. Nếu giá trị trung bình của một tuyên bố gần 1 hoặc 5, nhóm sẽ loại bỏ câu trả lời đó khỏi bảng vì nó có thể làm giảm chất lượng tương quan giữa các mục còn lại (Kim, 2011).

2.2. Kết quả khảo sát và thảo luận

EFA được thực hiện trên 20 câu hỏi với vòng quay Varimax. Kết quả được xử lý từ phần mềm SPSS cho phép trích xuất được giá trị đặc trưng cho từng nhân tố. Phép đo Kaiser-Meyer-Olkin đã xác minh tính thích hợp của việc lấy mẫu cho phép phân tích với giá trị là 0,893 (xem bảng 3), cao hơn đề xuất của Kaiser (1974) là 0,6, và Kim & Mueller (1978) là 0,5.

Bảng 3. Kiểm định KMO VÀ Bartlett

Kaiser-Meyer-Olkin		,893
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi-Square	2592,497
	df	190
	Sig.	,000

Kiểm định Bartlett (Bartlett's test of sphericity) cho kết quả $\chi^2(190) = 2592,497$, $p < 0,000$, chỉ ra rằng mối tương quan giữa các hạng mục câu hỏi là đủ lớn để tiến hành phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 4. Các nhân tố chính

Nhân tố	Giá trị đặc trưng khởi tạo			Tổng bình phương của hệ số tải nhân tố			Tổng bình phương của hệ số tải nhân tố xoay
	Tổng	% Phương sai	% Tích lũy	Tổng	% Phương sai	% Tích lũy	Tổng
1	9,043	45,215	45,215	9,043	45,215	45,215	3,978
2	1,729	8,647	53,861	1,729	8,647	53,861	3,054
3	1,519	7,595	61,457	1,519	7,595	61,457	2,820
4	1,173	5,863	67,320	1,173	5,863	67,320	2,444
5	1,085	5,425	72,745	1,085	5,425	72,745	2,254
6	,727	3,634	76,379				

Bảng 4 cho thấy có 05 nhân tố chính được tạo lập bởi 20 câu hỏi với giá trị đặc trưng khởi tạo lớn hơn 1. 20 câu hỏi này giải thích 72,745% các nhân tố chính ảnh hưởng đến thái độ đối với môn Lịch sử và Địa lí của HS tiểu học, còn lại là các nhân tố khác. Tỷ lệ phần trăm giải thích các nhân tố ảnh hưởng cụ thể như sau: nhân tố 1 (45,215%), nhân tố 2 (8,647%), nhân tố 3 (7,595%), nhân tố 4 (5,863%) và nhân tố 5 (5,425%).

Bảng 5. Ma trận nhân tố xoay

	Nhân tố				
	1	2	3	4	5
Q18	,816				
Q19	,795				
Q17	,770				
Q16	,687				
Q15	,607				
Q20	,586				
Q02		,788			
Q03		,764			
Q07		,726			
Q01		,616			
Q09			,836		
Q08			,640		
Q10			,634		

Q11			,591		
Q12			,513		
Q14				,825	
Q13				,783	
Q06				,549	
Q05					,828
Q04					,809

Việc xác định tên các nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập môn Lịch sử và Địa lí của HS tiểu học dựa vào thông tin trong bảng 6. Mỗi nhân tố có thể được đặt tên dựa vào các biến có hệ số tải cao nhất (Hair, 2009).

Bảng 6. Đặt tên các nhân tố chính

Mã	Biến quan sát	Hệ số tải
Sự tác động của những người xung quanh		
Q18	Các bạn trong lớp thường đồ nhau những nội dung có trong môn Lịch sử và Địa lí	,816
Q19	Các bạn trong lớp thường trao đổi với em về các câu chuyện, sự kiện, hiện tượng có trong bài học môn Lịch sử và Địa lí	,795
Q17	Các bạn trong lớp cũng rất thích môn Lịch sử và Địa lí	,770
Q16	Bố mẹ em thường xuyên hỏi em những điều có trong môn Lịch sử và Địa lí	,687
Q15	Bố mẹ em có thể giải thích cho em những điều em chưa hiểu trong môn Lịch sử và Địa lí	,607
Q20	Các bạn trong lớp khuyên em nên học môn Lịch sử và Địa lí vì nó rất hay và bổ ích	,586
Hứng thú của HS với môn học		
Q2	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí	,788
Q3	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí bởi vì qua đó em biết được nhiều điều về quê hương, đất nước và thế giới	,764
Q7	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí bởi vì giờ học môn này rất thú vị	,726
Q1	Phương pháp dạy học của GV	,616
Phương pháp, kĩ thuật dạy học của GV		
Q9	Thầy, cô giáo sử dụng nhiều hình ảnh, video, câu chuyện kể,... khi dạy môn Lịch sử và Địa lí	,836
Q8	Em thích học môn Lịch sử và Địa lí bởi vì thầy/cô giáo dạy học rất hay, sinh động	,640
Q10	Thầy, cô giáo luôn khuyến khích em nên học tốt môn Lịch sử và Địa lí vì đó giúp em hiểu biết về quá khứ, hiểu biết về hiện tượng tự nhiên và xã hội	,634
Q11	Các hình ảnh, câu chuyện trong sách Lịch sử và Địa lí luôn hấp dẫn em	,591
Q12	Em có thể đọc và hiểu những dòng chữ viết có trong sách Lịch sử và Địa lí	,513
Sự quan tâm của cha mẹ		
Q14	Bố mẹ em khuyên em nên học tốt môn Lịch sử và Địa lí	,825
Q13	Bố mẹ em nói rằng học môn Lịch sử và Địa lí là quan trọng	,783
Q6	Môn Lịch sử và Địa lí rất hấp dẫn bởi vì trong đó có rất nhiều nội dung hay về các câu chuyện lịch sử, các chiến thắng, các cuộc khởi nghĩa, cũng như cả những đau thương, mất mát,...	,549
Niềm tin vào bản thân của HS		
Q5	Em tin rằng em có thể trả lời được hết các câu hỏi khi học môn Lịch sử và Địa lí	,828
Q4	Em tin rằng em có thể làm được hết các bài tập môn Lịch sử và Địa lí	,809

Dựa trên các yếu tố xác định được từ phân tích dữ liệu như trên, một số khuyến nghị được đưa ra nhằm thực hiện việc dạy học đạt hiệu quả cao như sau: *Thứ nhất*, những người xung quanh HS như cha mẹ, bạn bè trong lớp có ảnh hưởng lớn đến thái độ học tập môn Lịch sử và Địa lí nên đối với các bạn xung quanh cần có tinh thần tích cực với môn học, phát triển năng lực giao tiếp hợp tác để cùng nhau tiến bộ, cùng nhau khám phá những điều thú vị của thế giới khoa học. Vì thế, cần xây dựng môi trường học tập tích cực, hiệu quả bằng cách tăng cường sự kết hợp, hỗ trợ của cha mẹ HS trong quá trình tổ chức kế hoạch dạy học; tăng cường các hoạt động chia sẻ, giao lưu về nội dung các chủ đề lịch sử và địa lí của HS cùng khối lớp; *Thứ hai*, để HS có thái độ tích cực với môn học, việc hình thành sự hứng thú đóng vai trò quan trọng và cần được chú trọng phát triển thông qua trải nghiệm, tương tác với đối tượng học tập và bạn học; *Thứ ba*, bản thân GV cần được trang bị đầy đủ phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và vận dụng vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí, bởi có như vậy GV mới thiết kế và tổ chức được bài học một cách khoa

học, sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn HS tham gia vào quá trình học tập; *Thứ tư*, sự quan tâm, định hướng của cha mẹ đối với quá trình học tập của các con mang tính quyết định. Các bậc phụ huynh cần nhận thức rõ vai trò của môn học, không có thái độ phân biệt môn chính, môn phụ, không phân biệt môn ít giờ, nhiều giờ. Cần phải xác định vai trò của môn học trong việc hình thành phẩm chất và năng lực, kỹ năng sống của HS; *Thứ năm*, cần xây dựng niềm tin cho người học. Đó là niềm tin vào bản thân, niềm tin vào giá trị khoa học và thực tiễn mà môn học hướng đến.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu này tồn tại một số hạn chế nhất định. Hạn chế đầu tiên liên quan đến phương pháp phân tích. Phân tích nhân tố khám phá là một phương pháp thống kê được sử dụng để kiểm tra tính hợp lệ về cấu trúc và tính chất đo lường tâm lý của một tập hợp các thước đo. Tuy nhiên, EFA không phải là một công cụ đủ mạnh để kiểm tra các cơ sở lý thuyết, vì vậy phương pháp phân tích nhân tố khám phá nên được sử dụng trong các nghiên cứu tiếp theo để kiểm tra nền tảng lý thuyết. Hạn chế thứ hai là sự thiên lệch trong việc chọn mẫu. Nhóm tác giả khi lấy mẫu khảo sát thu được phản hồi chủ yếu của HS khu vực nông thôn của Việt Nam nên ảnh hưởng rất lớn đến tính khái quát của kết quả nghiên cứu. Các học giả và nhà quản lý cần cân nhắc kỹ lưỡng trước khi áp dụng kết quả của nghiên cứu này vào môi trường làm việc của mình. Hạn chế thứ ba là các yếu tố khác không được xem xét để phân tích. Có thể có nhiều yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến HS tiểu học nhưng chưa được quan sát và đo lường (như yếu tố văn hóa và xã hội).

3. Kết luận

Bài báo đã tìm hiểu, nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập đối với môn Lịch sử và Địa lý của HS tiểu học Việt Nam. 20 câu hỏi được thiết kế và gửi đến HS tiểu học thông qua các kênh xã hội và có sự trợ giúp của cha mẹ HS. Dựa vào kết quả khảo sát từ 200 HS và các dữ liệu được phân tích thông qua phần mềm SPSS với 20 câu hỏi, kết quả phân tích nhân tố khám phá xác định được có 5 nhân tố chính ảnh hưởng đến thái độ học tập đối với môn Lịch sử và Địa lý của HS tiểu học Việt Nam: Nhân tố 1 - Sự tác động của những người xung quanh (45,215%); Nhân tố 2 - Hứng thú của HS với môn học (8,647%); Nhân tố 3 - Phương pháp, kỹ thuật dạy học của GV (7,595%); Nhân tố 4 - Sự quan tâm của cha mẹ (5,863%); Nhân tố 5 - Niềm tin của người học (5,425%). Việc xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của HS tiểu học sẽ là căn cứ để cán bộ quản lý, GV tiểu học thuận lợi trong việc đề xuất các biện pháp, kỹ thuật dạy học tác động tích cực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Lịch sử và Địa lý hướng đến phát triển năng lực, phẩm chất của HS đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tài liệu tham khảo

- Akinsola, M. K., & Olowojaiye, F. (2008). Teacher instructional methods and student attitudes towards mathematics. *International Electronic Journal of Mathematics Education*, 3(1), 60-73.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Hair, J. F. (2009). *Multivariate Data Analysis: A Global Perspective (7th ed)*. Upper Saddle River: Prentice Hall.
- Joseph, G. (2013). *A study on school factors affecting students' attitudes towards learning mathematics in the Community Secondary Schools in Tanzania, The Case of Bukoba Municipal Council in Kagera Region*. The Open University of Tanzania. <https://core.ac.uk/download/pdf/33425741.pdf>
- Kaiser, H. F. (1974). An index of factorial simplicity. *Psychometrika*, 39(1), 31-36.
- Kim, J. (2011). Developing an instrument to measure social presence in distance higher education. *British Journal of Educational Technology*, 42(5), 763-777.
- Kim, J.-O., & Mueller, C. W. (1978). *Factor analysis: Statistical methods and practical issues (Vol. 14)*. Beverly Hills, CA: Sage Publications.
- Mazana, Y. M., Suero Montero, C., & Olifage, C. R. (2019). Investigating students' attitude towards learning mathematics. *International Electronic Journal of Mathematics Education*, 14(1), 207-231. <https://doi.org/10.29333/iejme/3997>
- Nguyen, T. H. C., Thai, T. D., & Pham, T. T. T. (2022). Factors Affecting the Learning Attitude of Natural and Social Subjects of Primary School Students in Vietnam. *International Journal of Social Science and Human Research*, 05(8), 3472-3477. <https://doi.org/10.5281/zenodo.6969078>
- Sarmah, A., & Puri, P. (2014). Attitude towards mathematics of the students studying in diploma engineering institute (polytechnic) of sikkim. *Journal of Research & Method in Education*, 4(6), 06-10.
- Syyeda, F. (2016). Understanding attitudes towards mathematics (ATM) using a multimodal model: An exploratory case study with secondary school children in England. *Cambridge Open-Review Educational Research e-Journal*, 3, 32-62.